TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2024
V/V "Ly hôn giữa bà T1 và ông T2".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Long.

Ông Nguyễn Hùng Quốc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng T1. Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Chổ ở hiện nay: Đường C, phường A, thành phố A, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Trần Minh T2. Địa chỉ: Ấp T1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 và tại biên bản không hòa giải được ngày 22/5/2024 bà Nguyễn Hồng T1 là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Minh T2 chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T2.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Lệ Q1; Trần Thị Hồng Q2; Trần Minh T3 (03 con đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Minh T2 là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T2 vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản không hòa giải được ngày 22/5/2024 bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2, ông T2 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ ông T2 cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T2.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Lệ Q1; Trần Thị Hồng Q2; Trần Minh T3 (03 con đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Hồng T1 ly hôn với ông Trần Minh T2.

2. Về án phí: Bà T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0008744 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Ngãi Trị;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí